

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **66/2017/HSST**

Ngày 29 tháng 9 năm 2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Dương Minh Út**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Bùi Xuân Minh**

Ông **Duyên Văn Hiền**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Phạm Tuyết Ngân** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Dân** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 và 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 65/2017/HSST ngày 07 tháng 9 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lâm Văn T, sinh năm 1974. Tên gọi khác: Không (có mặt).

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Khóm 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 2/12; Con ông Lâm Hồng D, sinh năm 1955 và bà Huỳnh Thị G, sinh năm 1952; Anh, chị em ruột: 01 người; Vợ: Nguyễn Thị T1, sinh năm 1975; Con: Có 05 người, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02 tháng 8 năm 2017 đến nay.

2. Họ và tên: Nguyễn Thị T1, sinh năm 1975. Tên gọi khác: Không (có mặt).

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Khóm 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 2/12; Con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1943 và bà Dương Thị T, sinh năm 1943; Anh, chị em ruột: 07 người; Chồng: Lâm Văn T, sinh năm 1974; Con: Có 05 người, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02 tháng 8 năm 2017 đến nay.

* Người bị hại:

1. Chị Huỳnh Hải N, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Trú tại: Khóm 12, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. Chị Lê Hồng Ng, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Trú tại: Khóm 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng:

Anh Lâm Vũ T2, sinh năm 2002 (có mặt)

Trú tại: Khóm 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Đại diện Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh:

Ông Trần Nghĩa H – Cán bộ Huyện đoàn huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NHẬN THẤY:

Bị cáo Lâm Văn T và Nguyễn Thị T1 bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau truy tố về hành vi phạm tội như sau: Lâm Văn T và Nguyễn Thị T1 là vợ chồng, có 01 con chung là Lâm Vũ T2, cùng cư trú tại khóm 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Khoảng 12 giờ 50 phút ngày 29 tháng 6 năm 2017, Lâm Vũ T2 lấy dao Thái Lan đi ra phía sau ruộng để lấy ong. Khi đi đến hẻm nhà trọ Thiên K thuộc khóm 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau thì phát hiện một xe mô tô hiệu Atila biển kiểm soát 69N1-21.... của Huỳnh Hải N đang đậu trên lộ không ai quản lý, T2 dùng dao Thái Lan cạy cốp xe lấy một cái cặp da màu đen, T2 kiểm tra thấy có tiền bên trong. T2 cầm cặp bỏ đi thì bị lực lượng Công an bắt quả tang và thu giữ cái cặp da màu đen nêu trên. Qua kiểm tra trong cặp có 10.000.000 đồng.

Qua điều tra đã chứng minh được ngoài lần phạm tội bị bắt quả tang, Lâm Vũ T2 còn lấy trộm tài sản khác, cụ thể như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 22 tháng 6 năm 2017, Lâm Vũ T2 đi nháp cá ở khóm 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau thì phát hiện trước hẻm nhà trọ Thiên K thuộc khóm 7, thị trấn T có một chiếc xe hiệu MIO biển kiểm soát 69K3-90... của Lê Hồng Ng đang đậu không ai quản lý, T2 đi lại mở cốp xe lấy trộm cái bóp vải hình hoa văn, T2 kiểm tra thấy có 950.000 đồng tiền Việt Nam; giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe tên Lê Hồng Ng; giấy đăng ký xe tên Đỗ Minh H; 01 nhẫn kim loại vàng có đính nhiều hột màu trắng; 01 dây chuyền kim loại màu vàng có mặt hình phật bằng cẩm thạch màu xanh, xung quanh có viền vàng; 01 dây chuyền kim loại màu vàng có mặt hình giọt thủy tinh màu trắng; 01 tấm lắc đeo tay dạng khoen lật; 01 nhẫn tròn trơn bên trong có chữ Phương Nam 98% 10. T2 lấy tiền và vàng cầm trên tay, còn cái bóp T2 bỏ lại. T2 lấy 600.000 đồng bỏ túi để tiêu xài, còn 350.000 đồng và số vàng đem về nhà đưa cho Nguyễn Thị T1, T1 hỏi T2 “tiền và vàng ở đâu có”, T2 nói “vừa mở cốp xe của người khác lấy trộm được”. Lúc này Lâm Văn T là cha ruột của T2 ngồi gần đó đi lại xem hỏi T2 “tiền và vàng ở đâu có”, T2 nói “vừa mở cốp xe của người khác lấy trộm được”, T xác định là vàng thật nên T lấy 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng có mặt hình phật bằng cẩm thạch màu xanh, xung quanh có viền vàng và 01 nhẫn tròn trơn bên trong có chữ Phương Nam 98% 10 bỏ vào cái bóp (ví) của T cất giấu, còn số vàng còn lại T1 bỏ vào túi

vải màu đỏ đem cất giấu trong túi quần sọt treo trong buồng ngủ, đối với số tiền 350.000 đồng T1 đã tiêu xài hết.

Ngày 29 tháng 6 năm 2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T khám xét tại nhà Lâm Văn T ở khóm 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau, kiểm tra và thu giữ các tài sản như sau: Kiểm tra phát hiện bên trong túi quần sọt treo trên sào quần áo để trong buồng có 01 túi vải màu đỏ, bên trong có 01 nhẫn kim loại vàng có đính nhiều hột màu trắng, 01 dây chuyền kim loại màu vàng có mặt hình giọt thủy tinh màu trắng, 01 tấm lắc đeo tay dạng khoen lật và kiểm tra cái bóp của Lâm Văn T phát hiện và thu giữ 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng có mặt hình phật bằng cẩm thạch màu xanh, xung quanh có viền vàng và 01 nhẫn tròn trơn bên trong có chữ Phương Nam 98% 10.

Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 29 tháng 6 năm 2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T thu giữ: Tiền Việt Nam 10.000.000 đồng; 01 cái cặp da màu đen có quai xách hai bên và 01 cây dao (dạng dao Thái) dài 40cm, lưỡi dao màu trắng, cán dao bằng gỗ màu tím.

Kết luận số 53/BB-KL ngày 24 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản thuộc Ủy ban nhân dân huyện T kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 07 phân 04 ly giá trị 1.626.240 đồng; 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 06 phân 09 ly giá trị 1.406.790 đồng; 01 chiếc nhẫn vàng 18K trọng lượng 01 chỉ 09 ly giá trị 2.517.900 đồng; 01 tấm lắc vàng trọng lượng 01 chỉ 01 phân 06 ly giá trị 2.554.860 đồng và 01 chiếc nhẫn tròn trơn vàng 24K trọng lượng 01 chỉ giá trị 3.410.000 đồng. Tổng giá trị tài sản 11.515.790 đồng.

Quá trình điều tra Lâm Văn T đã nộp khắc phục hậu quả số tiền 950.000 đồng. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T trả lại cho người bị hại Lê Hồng Ng: 01 nhẫn kim loại vàng có đính nhiều hột màu trắng; 01 dây chuyền kim loại màu vàng có mặt hình phật bằng cẩm thạch màu xanh, xung quanh có viền vàng; 01 dây chuyền kim loại màu vàng có mặt hình giọt thủy tinh màu trắng; 01 tấm lắc đeo tay dạng khoen lật; 01 nhẫn tròn trơn bên trong có chữ Phương Nam 98% 10 và tiền Việt Nam 950.000 đồng. Trả lại cho người bị hại Huỳnh Hải N tiền Việt Nam 10.000.000 đồng và 01 cái cặp da màu đen có quai xách hai bên. Hiện nay, các bị hại Lê Hồng Ng và Huỳnh Hải N không yêu cầu gì về dân sự.

Tại Bản cáo trạng số 67/KSĐT-KT ngày 07-9-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời truy tố bị cáo Lâm Văn T về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Thị T1 về tội “Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát bảo vệ toàn bộ nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm b, h, p khoản 1 và 2 Điều 46 và Điều 60 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lâm Văn T từ 06 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”. Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1 và 2 Điều 46 và Điều 60 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T1 từ 06 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án về tội

“Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo thường trú giám sát, giáo dục. Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; tịch thu tiêu hủy 01 túi vải màu đỏ và 01 cây dao (dạng dao Thái) dài 40cm, lưỡi dao màu trắng, cán dao bằng gỗ màu tím.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên; lời trình bày của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

XÉT THẤY:

Quá trình điều tra và cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Lâm Văn T và Nguyễn Thị T1 thừa nhận toàn bộ hành vi của các bị cáo đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau đã truy tố. Kết quả thẩm tra chứng cứ, lời khai của các bị cáo và kết quả tranh luận tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Từ đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định như sau:

Vào ngày 22 tháng 6 năm 2017, Lâm Văn T và Nguyễn Thị T1 biết rõ số vàng gồm 01 nhẫn kim loại vàng có đính nhiều hột màu trắng; 01 dây chuyền kim loại màu vàng có mặt hình phật bằng cẩm thạch màu xanh, xung quanh có viền vàng; 01 dây chuyền kim loại màu vàng có mặt hình giọt thủy tinh màu trắng; 01 tấm lắc đeo tay dạng khoen lật; 01 nhẫn tròn trơn bên trong có chữ Phương Nam 98% 10 và tiền Việt Nam 350.000 đồng do Lâm Vũ T2 đưa là do T2 lấy trộm của chị Lê Hồng Ng ở khóm 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau nhưng vẫn cố tình cất giấu và tiêu thụ. Tổng giá trị tài sản 11.515.790 đồng. Các bị cáo Lâm Văn T và Nguyễn Thị T1 đã có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và đủ khả năng nhận thức rõ tài sản Lâm Vũ T2 đưa là tài sản do phạm tội mà có. Bởi lẽ, T2 là con của các bị cáo còn nhỏ và không có nghề nghiệp để tạo thu nhập và khi đưa vàng, tiền cho các bị cáo thì T2 có nói tài sản là vừa lấy trộm trong cốp xe của người khác.

Xét hành vi của từng bị cáo, thấy rằng:

- Khi T2 lấy trộm vàng và tiền mang về nhà, bị cáo Lâm Văn T lấy 01 nhẫn tròn trơn kim loại màu vàng (Bên trong chiếc nhẫn có chữ Phương Nam KHTVT 98%10) và 01 sợi dây chuyền màu vàng có mặt hình phật bằng cẩm thạch màu xanh, xung quanh có viền vàng bỏ vào bóp cất nên bị cáo T phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thị T1 lấy số vàng còn lại đem cất giấu (Hành vi chứa chấp) và lấy số tiền 350.000 đồng tiêu xài hết (Hành vi tiêu thụ) nên bị cáo T1 phạm tội “Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo T và bị cáo T1 đã xâm phạm vào trật tự an toàn công cộng, gây khó khăn cho việc điều tra, truy tìm tang

vật trong quá trình đấu tranh phòng chống tội phạm. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ khả năng nhận thức về hành vi của bị cáo là nguy hiểm nhưng vì khả năng nhận thức pháp luật thấp và ham lợi nên thực hiện hành vi phạm tội.

Tuy nhiên, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo T và T1 đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hơn nữa, bị cáo T và T1 đang nuôi dưỡng con còn rất nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), các bị cáo có nhân thân tốt không bị tiền án, tiền sự. Riêng đối với bị cáo T đã khắc phục toàn bộ hậu quả cho bị hại. Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như trên và các bị cáo có địa chỉ rõ ràng nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao các bị cáo về chính quyền địa phương nơi cư trú để giám sát, giáo dục các bị cáo là phù hợp với đường lối, chính sách và sự khoan hồng của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Lê Hồng Ng và Huỳnh Hải N đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất trộm và không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Về xử lý vật chứng: 01 túi vải màu đỏ và 01 cây dao (dạng dao Thái) dài 40cm, lưỡi dao màu trắng, cán dao bằng gỗ màu tím không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

Đối với Lâm Vũ T2 đã thực hiện hành vi trộm cắp tiền và vàng của Lê Hồng Ng, Huỳnh Hải N nhưng khi thực hiện hành vi phạm tội T2 14 tuổi 06 tháng 26 ngày và trộm cắp tổng giá trị tài sản 11.515.790 đồng là thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện T không khởi tố đối với hành vi của Lâm Vũ T2 là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 12 Bộ luật hình sự.

Về án phí: Bị cáo Lâm Văn T và Nguyễn Thị T1 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

- Bị cáo Lâm Văn T phạm tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có".

- Bị cáo Nguyễn Thị T1 phạm tội "Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

* Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm b, h, p khoản 1 và 2 Điều 46 và Điều 60 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lâm Văn T **06 (Sáu)** tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (Một) năm tính từ ngày 29 tháng 9 năm 2017.

Giao bị cáo Lâm Văn T cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì giải quyết theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

* Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1 và 2 Điều 46 và Điều 60 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T1 **07 (Bảy)** tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tính từ ngày 29 tháng 9 năm 2017.

- Giao bị cáo Nguyễn Thị T1 cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì giải quyết theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

* Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 41 của Bộ luật hình sự; Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 túi vải màu đỏ và 01 cây dao (dạng dao Thái) dài 40cm, lưỡi dao màu trắng, cán dao bằng gỗ màu tím.

* Căn cứ Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo Lâm Văn T và Nguyễn Thị T1 mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Án xử sơ thẩm công khai. Bị cáo Lâm Văn T và Nguyễn Thị T1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các bị hại Huỳnh Hải N, Lê Hồng Ng có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng NV-KT TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CAND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND thị trấn T;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Dương Minh Út